

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2023/HS-ST

Ngày: 04.8.2023.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nàng Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông La Minh Công.

2. Ông Nguyễn Quý Ánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: ông Lê Đức Dũng- Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 73/2023/HSST ngày 12 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2023/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Thành T, tên gọi khác: không, sinh năm 2003 tại Bình Thuận; Giới tính: Nam;

Nơi cư trú: thôn X, xã Y, huyện H3, tỉnh Bình Thuận;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không

Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 12/12;

Tiền án, tiền sự: Không;

Cha: Nguyễn Văn T1, sinh năm 1970 và Mẹ: Nguyễn Thị C, sinh năm 1968. Cùng cư trú: thôn X, xã Y, huyện H3, tỉnh Bình Thuận;

Gia đình bị cáo có 02 anh chị em, bị cáo là con thứ 02 trong gia đình;

Vợ, con: chưa có.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/02/2023 cho đến nay tại Trại tạm giam công an tỉnh Bình Thuận. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thành T: ông Lê Văn T1, Luật sư, Văn phòng luật sư Ngọc Ký, Đoàn luật sư tỉnh Bình Thuận. Có mặt

- **Bị hại:** 1/ Bà BH 1, sinh năm 2004 (có mặt).

2/ Bà BH 2, sinh năm 1997 (có mặt).

Cùng cư trú: thôn W, xã Q, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** ông NLQ , sinh năm 1996. Trú tại: khu phố 01, thị trấn R, huyện H3, tỉnh Bình Thuận. Có mặt.

- **Người làm chứng:**

1/ Ông NLC 1 – sinh năm: 1968. Địa chỉ: thôn W, xã Q, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Có mặt

2/ Bà NLC 2 – sinh năm: 2004. Địa chỉ: thôn Phú Sum, xã Q, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Có mặt

3/ Bà NLC 3 – sinh năm: 2004. Địa chỉ: thôn Dân Bình, xã Hàm Kiệm, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt

4/ Ông NLC 4 – sinh năm: 2003. Địa chỉ: thôn W, xã Q, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt

5/ Ông NLC 5 – sinh năm: 2004. Địa chỉ: thôn W, xã Q, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thành T và BH 1 (sinh năm 2004, trú thôn W, xã Q, huyện H, tỉnh Bình Thuận) có mối quan hệ yêu đương với nhau từ tháng 11/2021. Nhiều lần T đã dùng điện thoại di động của mình để chụp và quay lại cảnh giữa T và BH 1 quan hệ tình dục với nhau, cảnh BH 1 khóa thân, cảnh BH 1 tắm khóa thân. Đến tháng 8/2022 thì T và BH 1 chấm dứt mối quan hệ yêu đương. Vào tối ngày 12/01/2023, Nguyễn Thành T nhắn tin và gửi một số hình khóa thân của BH 1 cho BH 1. Giữa T và BH 1 có xảy ra cãi vã, BH 1 yêu cầu T xóa các hình ảnh khóa thân của BH 1 nhưng T không xóa. Do bức xúc nên đến khoảng 21 giờ cùng ngày, BH 1 đã dùng tài khoản Facebook có tên “Ha BH 1 Phạm” của BH 1 để đăng Status (dòng trạng thái) và Tag (gắn thẻ) tài khoản Facebook “Nguyễn Thành T” của T với nội dung chửi bới T. Ngay sau khi BH 1 đăng bài lên trang cá nhân thì T dùng tài khoản Facebook của mình mang tên “Nguyễn Thành T” được đăng nhập trên điện thoại di động của T để đăng bình luận vào bài viết của BH 1 với nội dung “còn tiền còn tình, hết tiền hết tình thế thôi kkk” và kèm theo 01 ảnh trong nhà tắm, một ảnh có 04 hình ảnh nhỏ mà BH 1 khóa thân thể hiện rõ khuôn mặt, tạng người, cử chỉ của BH 1 trong trạng thái

khỏa thân, để lộ bộ phận sinh dục. Sau đó, T tiếp tục bình luận với nội dung “ăn bánh thì trả tiền thôi kkk” và đăng 01 hình ảnh BH 1 khỏa thân để lộ mặt, tạng người, ngực và bộ phận sinh dục khi BH 1 đang tắm, nhằm mục đích cho bạn bè trên Facebook của BH 1 và T nhìn thấy, để xúc phạm danh dự, nhân phẩm của BH 1, làm cho BH 1 nhục nhã trước bạn bè, trước xã hội. Qua sự việc bình luận của T, nhiều bạn bè trên Facebook của BH 1 đã nhìn thấy và chụp lại gửi cho BH 1 biết. Ngay sau đó, BH 1 đã xóa bài viết của mình. Tài khoản Facebook của BH 1 có 3800 tài khoản bạn bè và 599 tài khoản theo dõi. Nên việc đăng tải các nội dung liên quan đến bài viết với thời gian khá lâu (hơn 01 tiếng đồng hồ), nên mức độ lan truyền nhanh, nhiều tài khoản bạn bè biết, nhìn thấy. Điều này làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến danh dự, nhân phẩm của BH 1.

Đến ngày 08/02/2023, BH 2 (sinh năm 1997, trú thôn W, xã Q) là chị ruột của BH 1, nhắn tin T với mong muốn T sẽ xóa các video, hình ảnh khỏa thân của BH 1 trong điện thoại của T và không đăng lên mạng xã hội nữa thì T yêu cầu gia đình BH 2 phải đưa cho T số tiền 50.000.000 đồng thì T mới thực hiện yêu cầu của BH 2. Khoảng 13 giờ 15 phút ngày 10/02/2023, BH 2 và T gặp nhau tại quán cà phê Công viên 30, thuộc thị trấn O, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Khi BH 2 đưa cho T số tiền 50.000.000 đồng và T viết giấy cam kết xóa hình ảnh, video của BH 1 và không đăng lên mạng xã hội xong thì bị lực lượng Công an huyện H bắt quả tang, đồng thời tạm giữ: 01 Giấy cam kết do Nguyễn Thành T viết; 50.000.000 tiền Việt Nam đồng (gồm 100 tờ, mỗi tờ trị giá 500.000 Việt Nam đồng); 01 điện thoại di động Iphone IMEI 355355084829349; 01 điện thoại di động Iphone IMEI 354841097988728; 01 xe ô tô hiệu Huỳnh Dai, màu trắng, biển số 86A-144.54.

Vật chứng của vụ án: 01 điện thoại di động Iphone IMEI 355355084829349 và 01 điện thoại di động Iphone IMEI 354841097988728 thu giữ của Nguyễn Thành T. 01 Giấy cam kết do Nguyễn Thành T viết.

Về trách nhiệm dân sự: Bà BH 2 đã nhận lại được tài sản bị chiếm đoạt nên không có yêu cầu gì.

Bà BH 1 không có yêu cầu Nguyễn Thành T phải bồi thường về hành vi “Làm nhục người khác”.

Tại bản cáo trạng số 76/CT/VKSHTN-HS ngày 09 tháng 6 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H đã truy tố bị cáo Nguyễn Thành T về tội “Làm nhục người khác” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 155 Bộ luật Hình sự và tội “Cưỡng đoạt tài sản” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thành T đối với tội danh và điều luật như

bản cáo trạng. Rút một phần quyết định truy tố, không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thành T. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thành T phạm tội “Làm nhục người khác” và tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Áp dụng: điểm e khoản 2 Điều 155; Điểm d khoản 2 Điều 170; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Thành T từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội “Làm nhục người khác” và từ 04 năm đến 05 năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Buộc bị cáo Nguyễn Thành T phải chấp hành hình phạt chung từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuyên tịch, nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động Iphone 7plus, màu đen, số IMEI 355355084829349 và 01 điện thoại di động Iphone 11, màu đen, số IMEI 354841097988728, số MEID 35484109798872 thu giữ của Nguyễn Thành T. Hiện trạng các vật chứng nêu trên theo Biên bản giao, nhận vật chứng lập ngày 03/8/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H.

Tuyên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 10.000.000 đồng do ông Nguyễn Văn T1 là cha ruột của bị cáo Nguyễn Thành T đã nộp bồi thường thiệt hại cho bà BH 1 theo biên lai thu tiền số 0006200 ngày 02/8/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H.

Đối với 01 Giấy cam kết do Nguyễn Thành T viết, tiếp lục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thành T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đối với tội “Làm nhục người khác”. Riêng đối với tội danh “Cưỡng đoạt tài sản” bị cáo thừa nhận có thực hiện hành vi như cáo trạng truy tố nhưng không phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” vì số tiền 50.000.000 đồng là tiền chị BH 2 đứng ra trả nợ thay cho bị hại BH 1, là các chi phí mà bị cáo đã bỏ ra cho chị BH 1 trong quá trình yêu đương, đề nghị Hội đồng xét xử trả hồ sơ điều tra bổ sung để trích xuất lại toàn bộ nội dung tin nhắn giữa bị cáo và chị BH 2.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thành T: Thống nhất về tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo Nguyễn Thành T. Trong vụ án này có một phần lỗi của bị hại, trước khi mở phiên tòa đại diện gia đình bị cáo Nguyễn Thành T đã nộp số tiền 10.000.000 để bồi thường thiệt hại cho chị BH 1, bị cáo còn nhỏ tuổi nên suy nghĩ chưa thấu đáo, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng do vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình

tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Thành T.

Bị hại BH 1: không yêu cầu bị cáo Nguyễn Thành T bồi thường, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thành T theo quy định của pháp luật.

Bị hại BH 2: đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo Nguyễn Thành T bồi thường gì khác, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thành T theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ : đã nhận lại tài sản, không có ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

1.1 Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định và không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

1.2 Người làm chứng NLC 3, NLC 4, NLC 5 đã được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, sự vắng mặt của người làm chứng không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Với các tài liệu, chứng cứ đã được xác minh thu thập có tại hồ sơ vụ án, đối chiếu với lời khai tại phiên tòa của bị cáo Nguyễn Thành T, bị hại BH 1, BH 2 và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa, có đủ cơ sở kết luận: bị cáo Nguyễn Thành T và BH 1 có quan hệ yêu đương với nhau từ tháng 11 năm 2021, quá trình yêu đương Nguyễn Thành T đã nhiều lần dùng điện thoại di động cá nhân để chụp và quay cảnh khỏa thân, quan hệ tình dục với BH 1. Đến tháng 8 năm 2022 thì cả hai chấm dứt quan hệ yêu đương và xảy ra cãi vã. Tối ngày 12/01/2023 cả hai bên tiếp tục xảy ra cãi vã nên 21 giờ cùng ngày, BH 1 đã dùng tài khoản Facebook có tên “Ha BH 1 Pham” của BH 1 để đăng Status (dòng trạng thái) và Tag (gắn thẻ) tài khoản Facebook “Nguyễn Thành T” của T với nội dung chửi bới T. Ngay sau đó Nguyễn Thành T dùng tài khoản Facebook của mình mang tên “Nguyễn Thành T” được đăng nhập trên điện thoại di động của T để đăng bình luận vào bài viết của BH 1 (trên tài khoản Facebook có tên “Ha BH 1 Pham”) với lời lẽ xúc phạm nghiêm trọng danh dự, nhân phẩm kèm theo 02 hình ảnh của BH 1 (01 ảnh khỏa thân trong

nhà tắm và 01 ảnh có 04 ảnh nhỏ đều khóa thân, thể hiện rõ khuôn mặt, tạng người, bộ phận sinh dục, cử chỉ của BH 1) nhằm mục đích làm cho BH 1 xấu hổ trước mọi người. Đến ngày 08/02/2023, BH 2 là chị ruột của BH 1, nhắn tin cho T với mong muốn T sẽ xóa các video, hình ảnh khóa thân của BH 1 trong điện thoại của T và không đăng lên mạng xã hội thì T yêu cầu gia đình BH 2 phải đưa cho T số tiền 50.000.000 đồng. Ngày 10/02/2023, bị cáo Nguyễn Thành T và BH 2 hẹn gặp nhau tại quán cà phê Công viên 30 (thị trấn O, huyện H, tỉnh Bình Thuận), sau khi bị cáo Nguyễn Thành T nhận số tiền 50.000.000 đồng và viết giấy cam kết xóa hình ảnh, video của BH 1 và không đăng lên mạng xã hội thì bị Công an huyện H bắt quả tang vào lúc 13 giờ 15 phút cùng ngày.

Hành vi sử dụng thiết bị điện tử, truy cập mạng Internet để vào mạng xã hội Facebook bình luận với lời lẽ xúc phạm danh dự, nhân phẩm đồng thời đăng tải các hình ảnh khóa thân của bị hại BH 1 của bị cáo Nguyễn Thành T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Làm nhục người khác” quy định tại điểm e khoản 2 Điều 155 Bộ luật Hình sự.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Thành T sử dụng các hình ảnh và video khóa thân của BH 1 (là em ruột của BH 2) để uy hiếp tinh thần nhằm chiếm đoạt số tiền 50.000.000 đồng của bà BH 2 thể hiện tại Biên bản bắt người phạm tội quả tang (bút lục 30), Giấy cam kết do Nguyễn Thành T viết (bút lục 32), Biên bản lấy lời khai ngày 09/5/2023 (bút lục 194) và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Thành T đã cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng đã truy tố của Viện kiểm sát huyện H đối với bị cáo Nguyễn Thành T về tội “Làm nhục người khác” và tội “Cưỡng đoạt tài sản” là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thành T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm nghiêm trọng đến danh dự, nhân phẩm, tổn hại về tinh thần của người khác, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến đạo đức xã hội, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân. Bị cáo Nguyễn Thành T phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, nhận thức được hậu quả xảy ra, nhưng vẫn cố ý phạm tội, thể hiện sự xem thường pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng mức hình phạt đủ nghiêm khắc, mới có tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[4] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thành T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với tội “Làm nhục người khác” đây là 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Nguyễn Thành T được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; đối với tội “Cưỡng đoạt tài sản” bị cáo thừa nhận có thực hiện

hành vi phạm tội nhưng vẫn quanh co, không ăn năn hối cải, đây là 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Nguyễn Thành T được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Trước khi mở phiên tòa, ông Nguyễn Văn T1 (là cha ruột của bị cáo Nguyễn Thành T) đã tự nguyện nộp tiền bồi thường thiệt hại cho bị hại BH 1 và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thành T đồng ý bồi thường thiệt hại cho bị hại BH 1, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Thành T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Các vấn đề khác:

Ngày 13/3/2023 và ngày 23/02/2023, Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho bà BH 2 số tiền 50.000.000 đồng và trả lại cho chủ sở hữu là ông NLQ xe ô tô hiệu Huynh Dai, màu trắng, biển số 86A-144.54 là có căn cứ, đúng pháp luật, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Bà BH 2 đã nhận lại được tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ngày 02/8/2023, ông Nguyễn Văn T1 (là cha ruột của bị cáo Nguyễn Thành T) đã tự nguyện nộp tiền bồi thường thiệt hại cho bị hại BH 1 tại Chi cục thi Hành án dân sự huyện H số tiền là 10.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bị hại BH 1 không yêu cầu bị cáo Nguyễn Thành T phải bồi thường và kiên quyết không nhận số tiền trên. Xét thấy đây là tài sản riêng của ông Nguyễn Văn T1 và không phải là vật chứng liên quan đến vụ án nên cần trả lại số tiền 10.000.000 đồng trên cho ông Nguyễn Văn T1 theo biên lai nộp tiền số 0006200 ngày 02/8/2023 của Chi cục thi Hành án dân sự huyện H.

[7] Về vật chứng của vụ án:

Đối với 01 Giấy cam kết do Nguyễn Thành T viết, tiếp lục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

Đối với 01 điện thoại di động Iphone 7plus, màu đen, số IMEI 355355084829349 và 01 điện thoại di động Iphone 11, màu đen, số IMEI 354841097988728, số MEID 35484109798872 thu giữ của Nguyễn Thành T. Xét thấy đây là phương tiện phạm tội của bị cáo nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước. Tuy nhiên trước khi tịch thu, phát mại nộp ngân sách nhà nước, đề nghị Chi cục thi hành án dân sự huyện H xóa bỏ toàn bộ dữ liệu, hình ảnh liên quan đến vụ án được lưu trữ trong 02 điện thoại nêu trên.

[8] Về án phí: bị cáo Nguyễn Thành T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Thành T phạm tội “Làm nhục người khác” và tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Căn cứ: điểm e khoản 2 Điều 155; Điểm s khoản 1 Điều 51; Khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Thành T 01 (một) năm tù về tội “Làm nhục người khác”.

Căn cứ: Điểm d khoản 2 Điều 170; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Thành T 04 (bốn) năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự.

Tổng hợp hình phạt chung buộc bị cáo Nguyễn Thành T phải chấp hành là 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 10/02/2023.

2. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ: điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ Luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động Iphone 7plus, màu đen, số IMEI 355355084829349 và 01 điện thoại di động Iphone 11, màu đen, số IMEI 354841097988728, số MEID 35484109798872. Trước khi tịch thu, phát mại nộp ngân sách nhà nước đề nghị Chi cục thi hành án dân sự huyện H xóa bỏ toàn bộ dữ liệu, hình ảnh liên quan đến vụ án được lưu trữ trong 02 điện thoại nêu trên. Hiện trạng các vật chứng nêu trên theo Biên bản giao, nhận vật chứng lập ngày 03/8/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H.

Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án 01 Giấy cam kết do Nguyễn Thành T viết.

Trả lại cho ông Nguyễn Văn T1 số tiền là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) theo biên lai thu số 0006200 ngày 02/8/2023 của Chi cục thi Hành án dân sự huyện H.

4. Về án phí:

Căn cứ: khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Thành T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (04/8/2023)/.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nàng Hương